TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2025
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Tr
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
2. Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Mỹ Th, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang

Hiện tạm trú: số 24, đường Phan Bộ Ch, phường 1, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Công Tr, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 09, ấp Hòa Phú 1, thị trấn An Ch; huyện Châu Th, tỉnh An Giang

NỘI DNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 12/11/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và anh Tr tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân năm 2001 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Ch, tỉnh An Giang số 50 ngày 09/6/2003. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi không hạnh phúc; không quan tâm đến cuộc sống vợ con; bạo lực gia đình…vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Tháng 6/2021 bà và ông Tr ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không ai có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà không còn tình cảm với ông Tr nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung cháu Nguyễn Tr Phương D sinh ngày 20/12/2002; cháu Nguyễn Công B; sinh ngày 14/01/2006 (đã trưởng thành có khả năng lao động).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Công Tr vắng mặt trong quá trình tố tụng*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/02/2025 nội Dng đơn giữ nguyên yêu cầu đã khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Công Tr vắng mặt tại phiên tòa không tham gia tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc chấp hành pháp *luật*: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Về nội Dng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thu Tr có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ phiếu xác minh về nơi cư trú của đương sự do Công an thị trấn An Châu xác nhận: "*Ông Nguyễn Công Tr có đăng ký thường trú tại khóm Hòa Long 1, TT An Châu, huyện Châu Thành, An Giang; hiện có mặt tại địa phương*".Tòa án căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng thực hiện theo quy định tại Điều 179 BLTTDS 2015. Ông Tr không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Tr và ông Tr.

[2] Về nội Dng tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: giữa bà Tr và ông Tr có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Châu, tỉnh An Giang số 50 ngày 09/6/2003 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà. Mục đích tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ; nhưng bà Tr vẫn giữ yêu cầu ly hôn; ông Tr không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án. Ông Tr không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70,72 BLTTDS. Điều này thể hiện cả hai không ai muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Giữa bà Tr và ông Tr đã ly thân một thời gian dài từ năm 2021 cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Như vậy cả ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà Tr có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà Tr, ông Tr có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Tr; bà Tr được ly hôn với ông Nguyễn Công Tr

2.Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

3.Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007843 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Nguyễn Công Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Tr